

Bản án số: **35/2018/HNGĐ-ST**.

Ngày: 28 - 8 - 2018.

V/v tranh chấp: *Ly hôn*

giữa chị T và anh D.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Trường**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - Ông **Phạm Đức Minh**
 - Bà **Lê Thị Sáu**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **28** tháng **8** năm **2018** tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 54/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Ka T**, sinh năm: 1996

Địa chỉ cư trú: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

* **Bị đơn:** Anh **Chí Nhật D**, sinh năm: 1995

Địa chỉ cư trú: Thôn 4 (nay là Thôn H), xã N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ka T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 28/12/2016. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Quá trình chung sống đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, gia đình không đồng thuận, anh D hay đánh đập, chửi bới chị T dẫn đến tình cảm không còn. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ giữa năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh D.

- *Về con chung:* Chị T trình bày vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung là cháu Chí Coóng P, sinh ngày 09/12/2013. Quá trình sống ly thân thì chị T trực tiếp

nuôi dưỡng cháu P. Vì vậy, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P đến đủ tuổi thành niên và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Chí Nhật D đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc. Vì vậy không có lời khai của anh D tại Tòa án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Chị Ka T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp “Ly hôn” với anh Chí Nhật D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Chí Nhật D vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Chí Nhật D là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 28/12/2016, được sự đồng ý của hai bên gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Chị T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, gia đình không đồng thuận, anh D hay đánh đập, chửi bới chị T dẫn đến tình cảm không còn. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ giữa năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T đã làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì vợ chồng mâu thuẫn đã lâu và rất trầm trọng, không còn tình cảm với nhau và vợ chồng đã ly thân, đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được hạnh phúc. Còn anh D mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc nhưng vẫn cố tình vắng mặt, càng chứng tỏ anh D không có nguyện vọng muốn được trở về đoàn tụ với chị T để xây dựng hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; xử cho chị T được ly hôn với anh D.

- *Về con chung:* Chị T trình bày vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung là cháu Chí Coóng P, sinh ngày 09/12/2013. Quá trình sống ly thân thì chị T trực tiếp

nuôi dưỡng cháu P, khi ly hôn thì chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P đến đủ tuổi thành niên.

Xét thấy: Hiện nay cháu P còn nhỏ và đang có cuộc sống ổn định với chị T. Chị T cho rằng mình có đầy đủ điều kiện về kinh tế thuận tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sinh sống và ăn học một cách đầy đủ nhất nên để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của con chung Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 01 con chung là cháu Chí Coóng P cho chị T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị T không yêu cầu nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- *Về án phí*: Buộc chị Ka T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ka T đối với anh Chí Nhịt D về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho chị Ka T được ly hôn với anh Chí Nhịt D.

2/ Về con chung:

Giao 01 con chung là cháu Chí Coóng P, sinh ngày 09/12/2013 cho chị Ka T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên;

Anh Chí Nhịt D không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Ka T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0005157 ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Ka T đã nộp đủ tiền án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường